

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST.

Ngày 17-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thái.

Ông Phạm Đình Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình K (tên gọi khác: K Trắng, K Con), sinh ngày 06/11/1991 tại huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Tổ dân phố LT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 29/01/2013, Công an thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 750.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Ngày 24/3/2014, Công an huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 2.000.000 đồng về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe của người khác*” (Quyết định

số 53/QĐ-XPVPHC ngày 24/3/2014).

+ Ngày 07/3/2019, Công an huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số 47/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2019).

+ Ngày 29/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo (Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 29/01/2019).

Bị cáo đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1968. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố LT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Bùi Xuân Đ, sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Phước S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Ông S có mặt, bà T vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn PT, xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 05/12/2018, bị cáo mượn xe mô tô của bạn (không nhớ mượn của ai) đi dạo từ nhà mình vào hướng tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS để chơi. Trên đường đi, bị cáo phát hiện nhà ông Bùi Xuân Đ không có ai ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vào khuôn viên nhà ông Đ thấy không có người, bị cáo đi ra phía sau nhà thấy cánh cửa gỗ đã cũ nên dùng tay đẩy mạnh làm cánh cửa ngã xuống. Bị cáo đi vào trong nhà tìm kiếm tài sản nhưng không thấy gì. Bị cáo đi lên nhà trên, phát hiện

trên bàn thờ có một bộ lư bằng đồng gồm có: 02 chân đèn, 01 nồi hương, 01 con hạt, 01 con rùa, 01 độc bình, 02 giá để trầu cau. Bị cáo đi quanh nhà tìm được một cái bao lát màu trắng đã cũ rồi bỏ toàn bộ số tài sản trên vào trong bao vác ra xe của mình. Sau đó, bị cáo điều khiển xe chở bộ lư đồng này đến tiệm mua bán phế liệu của bà Nguyễn Thị H và bán cho bà H với số tiền 770.000 đồng. Số tiền này, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 10/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn đã kết luận: 01 bộ lư đồng nặng khoảng 30 kg gồm 02 chân đèn, 01 nồi hương, 01 con hạt, 01 con rùa, 01 độc bình cắm hoa, 02 giá để trầu cau có giá trị là: 4.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 12/12/2018, lúc này cha của bị cáo là ông Nguyễn Đình C không ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp cái mâm bằng nhôm mạ đồng (có mặt hình trống đồng Ngọc Lũ) của ông C để mang đi bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, bị cáo dùng hai tay tháo mặt trống xuống rồi mang đến tiệm phế liệu Trúc Sơn (do ông Nguyễn Phước S làm chủ) để cầm cố được số tiền 220.000 đồng. Bị cáo dùng số tiền này để mua ma túy về sử dụng. Đến chiều cùng ngày, Cơ quan công an mời làm việc thì bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình.

Ngày 09/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn đã kết luận: 01 mặt trống đồng Ngọc Lũ đúc bằng nhôm, mặt ngoài mạ đồng có giá trị là: 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp là: 9.000.000 đồng.

Quá trình làm việc, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) mặt trống đồng Ngọc Lũ, đúc bằng nhôm, mạ đồng màu vàng, có đường kính 700mm, dày 11 mm. Ông C yêu cầu được nhận lại tài sản này.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị của bộ lư đồng là 4.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông S yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 220.000 đồng mà ông đã trả cho bị cáo khi bị cáo đến cầm cố mặt trống đồng Ngọc Lũ. Ông C không có yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSQS ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Đình K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo K từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Đ số tiền 4.000.000 đồng và ông S, bà T số tiền 220.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông Nguyễn Đình C 01 (một) mặt trống đồng Ngọc Lũ, đúc bằng nhôm, mạ đồng màu vàng, có đường kính 700mm, dày 11 mm.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng về Bản cáo trạng: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị hại- ông Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử khẳng định:

Trong hai ngày 05/12/2018 và ngày 12/12/2018, tại địa bàn thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam, bị cáo K lợi dụng lúc chủ sở hữu tài sản vắng nhà, đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 bộ lư bằng đồng của ông Bùi Xuân Đ có giá trị 4.000.000 đồng và 01 cái mặt trống đồng Ngọc Lũ bằng nhôm mạ đồng của ông Nguyễn Đình C có giá trị 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp là 9.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản cáo trạng số 09/CT-VKSQS ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được điều đó nhưng bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản với mục đích mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính và đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo phạm tội hai lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông nội của bị cáo là liệt sỹ, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng do bị cáo có nhân thân xấu nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường có ông Đ số tiền 4.000.000 đồng và trả cho ông S, bà T số tiền 220.000 đồng vì đây là giá trị của tài sản bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Trả cho ông C 01 (một) mặt trống đồng Ngọc Lũ, đúc bằng nhôm, mạ đồng màu vàng, có đường kính 700mm, dày 11 mm vì đây là tài sản bị cáo chiếm đoạt và thuộc sở hữu của ông C.

[7] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Phước S: Khi mua bán, cầm cố tài sản nhưng không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không đặt vấn đề xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 15 (*mười lăm*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo K có nghĩa vụ bồi thường cho anh Bùi Xuân Đ số tiền 4.000.000 (*bốn triệu*) đồng; trả cho anh Nguyễn Phước S và bà Nguyễn Thị T số tiền 220.000 (*hai trăm hai mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Trả cho ông Nguyễn Đình C 01 (*một*) mặt trống đồng Ngọc Lũ, đúc bằng nhôm, mạ đồng màu vàng, có đường kính 700mm, dày 11 mm. (*Vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/4/2019*).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17-5-2019). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cơ sở cai nghiện ma túy Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ